



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

NGUYỄN THỊ TUYẾT PHƯƠNG

**QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP
THUỘC KHU VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN TRÊN ĐỊA
BÀN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
QUẢN LÝ KINH TẾ**

Mã số: 60.34.04.10

Đà Nẵng - 2017

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHQĐN

Người hướng dẫn KH: GS.TS. VÕ XUÂN TIẾN

Phản biện 1: PGS.TS ĐÀO HỮU HÒA

Phản biện 2: PGS.TS BÙI THỊ TÁM

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản lý kinh tế họp tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng vào ngày 26 tháng 8 năm 2017

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Địa bàn quận Hải Châu là một trong những địa bàn chủ lực của thành phố Đà Nẵng, hằng năm đóng góp một phần không nhỏ số thu về thuế vào NSNN. Trong thời gian qua, công tác quản lý thuế đối với các doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát sinh không ít những khó khăn và bất cập. Với tính đa dạng và phức tạp của khu vực kinh tế này, vấn đề cấp thiết đặt ra là phải đưa ra những giải pháp cũng như công cụ quản lý nhằm khắc phục những mặt hạn chế, tồn tại, những khó khăn và thách thức đang đặt ra cho công tác quản lý thuế đối với các doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân, đảm bảo nuôi dưỡng nguồn thu, thu đúng, thu đủ.

Xuất phát từ tình hình trên, đề tài "*Quản lý thuế đối với các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng*" được học viên lựa chọn làm luận văn tốt nghiệp với hy vọng đưa ra các giải pháp nhằm quản lý và khai thác tốt nguồn thu từ khu vực này.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Mục tiêu nghiên cứu tổng quát: các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế đối với các doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

+ Mục tiêu nghiên cứu cụ thể: Hệ thống hóa các vấn đề lý luận liên quan đến thuế, quản lý thuế và quản lý thuế đối với doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân; Phân tích thực trạng công tác quản lý thuế đối với doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn 2012-2016.; Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế đối với các

doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- *Đối tượng nghiên cứu*

Đối tượng nghiên cứu là nội dung công tác quản lý thuế đối với các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân.

- *Phạm vi nghiên cứu*

+ Về nội dung nghiên cứu: là công tác quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân.

+ Về không gian nghiên cứu: được giới hạn trên địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

+ Về thời gian nghiên cứu: 2012 – 2016 và các giải pháp được đề xuất trong luận văn có ý nghĩa trong 5 năm tới.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập thông tin

- Phương pháp phân tích

5. Kết cấu của luận văn

Chương 1 – Cơ sở lý luận đối với công tác quản lý thuế các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân.

Chương 2 – Thực trạng quản lý thuế đối với các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Chương 3 – Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ THUẾ

1.1. MỘT SỐ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ THUẾ

1.1.1. Một số khái niệm

a. Thuế

Thuế là một khoản chuyển giao thu nhập bắt buộc từ các thể nhân và pháp nhân cho Nhà nước theo mức độ mà pháp luật quy định. Khoản chuyển giao thu nhập dưới hình thức thuế để phục vụ cho mục tiêu công cộng. Nguồn thu về thuế không được sử dụng cho mục tiêu các nhân.

b. Quản lý thuế

Quản lý thuế là quá trình Nhà nước sử dụng hệ thống các công cụ và phương pháp thích hợp tác động lên đối tượng của quản lý thuế làm cho chúng vận động phù hợp với mục tiêu đề ra.

c. Quản lý thuế đối với doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân

KTTN là hình thức kinh tế phát triển dựa trên sở hữu tư nhân về toàn bộ các yếu tố sản xuất được đưa vào sản xuất kinh doanh. Nó hoàn toàn tự chủ, tự chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ, cụ thể là: Tự chủ về vốn, tự chủ về quản lý, tự chủ về phân phối sản phẩm, tự chủ lựa chọn hình thức tổ chức, quy mô, phương hướng sản xuất kinh doanh, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước pháp luật.

Cụ thể, khu vực KTTN bao gồm:

- Kinh tế cá thể, tiểu chủ

Quản lý thuế đối với doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân là quá trình Nhà nước sử dụng hệ thống các công cụ và phương pháp thích hợp tác động lên các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư

nhân nhằm đảm bảo thu đúng, thu đủ, kịp thời tiền thuế vào NSNN.

1.1.2. Đặc điểm của doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân

- Các doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN hoạt động vì mục đích hàng đầu là lợi nhuận.

- Quy mô sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân đa số là nhỏ và vừa, nằm rải rác, phân tán, dễ thay đổi địa điểm kinh doanh.

- Trình độ phổ biến là thấp, công nghệ lạc hậu và thiếu kỹ năng quản trị và kinh nghiệm kinh doanh.

- Không coi trọng công tác kế toán Hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán đa phần yếu kém và lỏng lẻo.

- Có tính tư hữu cao nên ý thức chấp hành pháp luật còn kém, luôn tìm cách trốn thuế, gian lận thuế.

1.1.3. Ý nghĩa của quản lý thuế đối với các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân

- Đảm bảo công bằng giữa các doanh nghiệp

- Đảm bảo nguồn thu ổn định cho NSNN

- Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

1.2. NỘI DUNG QUẢN LÝ THUẾ

1.2.1. Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

- *Tuyên truyền, giáo dục pháp luật thuế*: Chuyển tải thông tin về pháp luật thuế đến mọi thành viên trong xã hội bằng những hình thức, biện pháp cụ thể.

- *Hỗ trợ người nộp thuế*: Tạo những điều kiện tốt nhất để người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ thuế như: Hướng dẫn kê khai, giải đáp vướng mắc...

1.2.2. Lập dự toán thuế

- Lập dự toán là quá trình cơ quan chức năng của Nhà nước

thiết lập các mục tiêu thu thuế cụ thể, cho một thời kỳ nhất định nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội mà Nhà nước đã đề ra.

- Dự toán thu thuế là bảng tổng hợp số thu dự kiến về thuế trong một thời kỳ nhất định.

- Lập dự toán được thực hiện qua bốn giai đoạn: Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch, lãnh đạo thực hiện kế hoạch và đánh giá kiểm tra tình hình thực hiện.

1.2.3. Tổ chức thu thuế

a. Đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế

- Đăng ký thuế là việc người nộp thuế thực hiện khai báo sự hiện diện của mình và nghĩa vụ phải nộp một (hoặc một số) loại thuế với cơ quan quản lý thuế.

- kê khai, nộp thuế là việc người nộp thuế tự xác định số thuế phải nộp phát sinh trong kỳ kê khai thuế theo qui định của từng Luật thuế, Pháp luật thuế.

b. Hoàn thuế

- Các trường hợp thuộc diện hoàn thuế:

+ Tổ chức, cá nhân thuộc diện được hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng;

+ Tổ chức, cá nhân thuộc diện được hoàn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

+ Cá nhân thuộc diện được hoàn thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân;

+ Tổ chức, cá nhân kinh doanh thuộc diện được hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt;

+ Tổ chức, cá nhân nộp các loại thuế khác có số tiền thuế đã nộp vào ngân sách nhà nước lớn hơn số tiền thuế phải nộp.

- Cơ quan quản lý thuế phân loại hồ sơ hoàn thuế thuộc diện

hoàn thuế trước kiểm tra sau và hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế sau.

1.2.4. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật thuế và xử lý vi phạm về thuế

a. Kiểm tra thuế

- Kiểm tra, thanh tra thuế là hoạt động giám sát của CQT đối với các hoạt động, giao dịch liên quan đến phát sinh nghĩa vụ thuế và tình hình thực hiện thủ tục hành chính thuế, chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của NNT, nhằm đảm bảo pháp luật thuế được thực thi nghiêm chỉnh.

- Kiểm tra thuế là việc làm thường xuyên, được thực hiện dưới hai hình thức:

+ Kiểm tra tại trụ sở CQT

+ Kiểm tra tại trụ sở NNT

- Thanh tra thuế thực hiện trong các trường hợp doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh đa dạng, phạm vi kinh doanh rộng; Doanh nghiệp có dấu hiệu VPPL về thuế; Giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc theo yêu cầu của thủ trưởng cơ quan thuế.

b. Xử lý vi phạm pháp luật về thuế.

- Xử lý vi phạm pháp luật về thuế là các hoạt động của chủ thể có thẩm quyền căn cứ vào các quy định hiện hành áp dụng các biện pháp pháp xử lý hành chính hoặc hình sự đối với các tổ chức cá nhân vi phạm pháp luật về thuế.

- Các hành vi vi phạm pháp luật về thuế:

+ Vi phạm về thủ tục thuế

+ Chậm nộp thuế

+ Khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn.

+ Trốn thuế, gian lận thuế

c. Cường chế thi hành quyết định hành chính thuế.

- Các trường hợp NNT bị cưỡng chế nợ thuế:
+ Quá thời hạn 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp tiền thuế, tiền phạt.

+ Hết thời hạn gia hạn nộp tiền thuế

+ Có hành vi phát tán tài sản, bỏ trốn

- Các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế:

+ Biện pháp 1: Trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác; yêu cầu phong tỏa tài khoản.

+ Biện pháp 2: Khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập.

+ Biện pháp 3: Kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên theo quy định của pháp luật để thu tiền thuế nợ, tiền phạt vào ngân sách nhà nước.

+ Biện pháp 4: Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế do tổ chức, cá nhân khác đang giữ.

+ Biện pháp 5: Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

+ Biện pháp 6: Thu hồi mã số thuế; đình chỉ việc sử dụng hóa đơn.

+ Biện pháp 7: Thu hồi Giấy chứng nhận kinh doanh, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy phép hành nghề.

1.2.5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế.

- Khiếu nại là việc công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ, công chức đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét

lại Quyết định hành chính, hành vi vi phạm...khi có căn cứ cho rằng Quyết định hoặc hành vi đó trái pháp luật.

- Tổ cáo là việc công dân báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

1.3. NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC KHU VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN

1.3.1. Nhân tố về cơ chế, chính sách, pháp luật thuế

1.3.2. Nhân tố về cơ quan thuế

1.3.3. Nhân tố về người nộp thuế

1.3.4. Các nhân tố khác

1.4. CÁC CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ THUẾ

Nhằm đánh giá đầy đủ, toàn diện hoạt động quản lý của ngành thuế. Ngày 22/4/2013, Tổng cục Thuế đã ban hành Quyết định số 688/QĐ-TCT đưa vào áp dụng hệ thống chỉ số đánh giá hoạt động quản lý thuế. Hệ thống chỉ số được xây dựng theo hai lĩnh vực bao gồm nhóm chỉ số đánh giá cấp độ chiến lược và nhóm chỉ số đánh giá cấp độ hoạt động.

- Việc đánh giá cấp độ chiến lược có 4 chỉ số: Chỉ số thực hiện nhiệm vụ thu NSNN, Chỉ số hiệu quả sử dụng chi phí, Chỉ số tuân thủ của NNT, Sự hài lòng của NNT.

- Việc đánh giá cấp độ hoạt động gồm 6 chỉ số phản ánh tình hình hoạt động chung, hoạt động tuyên truyền hỗ trợ; thanh tra kiểm tra; quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; khai thuế, hoàn thuế; phát triển nguồn nhân lực.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC KHU VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC KHU VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên – xã hội và kinh tế của quận Hải Châu

a. Đặc điểm tự nhiên – xã hội

b. Đặc điểm kinh tế

2.1.2. Đặc điểm các doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

a. Số lượng và quy mô doanh nghiệp

Mặc dù quận Hải Châu mặc dù có sự tăng trưởng số lượng DN rất nhanh nhưng đại đa số doanh nghiệp có quy mô nhỏ và siêu nhỏ và tỷ trọng của doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ có xu hướng gia tăng

b. Phân theo ngành nghề kinh doanh

Các doanh nghiệp chủ yếu kinh doanh thương mại, dịch vụ, kinh doanh ăn uống, dịch vụ nhà hàng, khách sạn, xây dựng, vận tải, trong đó có xu hướng mở rộng sang các lĩnh vực dịch vụ & thương mại là chủ yếu.

c. Phân theo loại hình kinh tế

Trong những năm qua, chủ yếu doanh nghiệp trên địa bàn được thành lập dưới dạng công ty trách nhiệm hữu hạn

d. Phân theo tình trạng hoạt động

Trong những năm qua, số lượng doanh nghiệp trên địa bàn

ngày càng tăng, tuy nhiên số lượng doanh nghiệp hoạt động hiệu quả chỉ chiếm khoảng gần 60%, còn lại các doanh nghiệp tạm ngưng, hoạt động kinh doanh không hiệu quả giải thể, bỏ khỏi địa chỉ kinh doanh ngày càng nhiều.

2.1.3. Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực quản lý thuế

a. Khái quát về Chi cục Thuế quận Hải Châu

b. Cơ cấu tổ chức bộ máy

c. Nguồn nhân lực

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC KHU VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2012-2016

2.2.1. Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

Về công tác tuyên truyền

- Công tác tuyên truyền ngày càng được tăng lên về số lượng. Tốc độ tăng bình quân nhìn chung tăng qua các năm.

- Đã triển khai nhiều hình thức tuyên truyền sinh động, đa dạng như: tổ chức nhiều lớp tập huấn, đối thoại kết hợp cung cấp tài liệu hướng dẫn để triển khai chính sách thuế mới cho NNT.

Về công tác hỗ trợ

- Thực hiện đa dạng nhiều hình thức hỗ trợ.
- Nhu cầu, mong muốn được hỗ trợ và các thắc mắc của doanh nghiệp ngày càng nhiều trong khi lực lượng cán bộ thuế mỏng dẫn đến khối lượng công việc cho một cán bộ tuyên truyền ngày càng lớn, chất lượng công tác hỗ trợ gặp không ít khó khăn.

2.2.2. Lập dự toán thuế

- Dự toán thuế được lập trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, Cục Thuế và UBND quận đã bám sát kế

hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quận năm kế tiếp.

- Dự toán được thực hiện quá sớm nên số ước thực hiện thường không chính xác.

- Quá trình lập không xem xét đến sự tác động của việc thay đổi chính sách dẫn đến dự toán thu lập quá cao/ quá thấp.

- Số thu thuế của dự toán lập thấp hơn dự toán được giao.

2.2.3. Tổ chức thu thuế

a. Đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế

Đăng ký thuế

- Cơ chế “một cửa liên thông” đã tạo thuận lợi cho DN giảm tối đa chi phí, thời gian trong việc đăng ký thuế.

- Số lượng các DN do Chi cục thuế quản lý giai đoạn 2012-2016 có xu hướng ngày càng tăng.

- Với số lượng DN đăng ký kinh doanh ngày càng nhiều đặt ra nhiều khó khăn hơn đối với công tác quản lý thuế.

Kê khai thuế

- Tỷ lệ DN nộp HSKT đúng hạn là 98,22%. Bên cạnh đó, chất lượng kê khai của NNT cũng tăng lên, số tờ khai không đúng yêu cầu, có sai số học buộc NNT kê khai lại hoặc kê khai bổ sung cũng giảm qua các năm.

- Tỷ lệ NNT không nộp HSKT và tỷ lệ nộp chậm HSKT có chiều hướng tăng.

- Tính đến ngày 31/12/2015 tất cả đơn vị đang hoạt động tại Chi cục Thuế quận Hải Châu đã thực hiện đăng ký kê khai thuế qua mạng, trong đó 4.239 đơn vị đã gửi tờ khai thành công đến cơ quan thuế.

Nộp thuế

- Từ tháng 9/2014, Chi cục đã triển khai nộp thuế điện tử cho

DN. Lũy kế đến ngày 19/12/2016, Chi cục hiện có 3.999 doanh nghiệp (MST 10 số) đã đăng ký dịch vụ nộp thuế điện tử với cơ quan Thuế; đạt 97,53% chỉ tiêu được giao.

- Giai đoạn 2012-2014 Chi cục không hoàn thành KHPL được giao. Năm 2015-2016, tổng thu các doanh nghiệp luôn đạt và vượt cao so với KHPL. Nguồn thu chủ yếu là từ hai sắc thuế chính: thuế GTGT và thuế TNDN.

b. Hoàn thuế

- Tỷ lệ số hồ sơ được hoàn thuế trên tổng số hồ sơ qua các năm khoảng từ 67%-75% cho thấy Chi cục đã từng bước kiểm soát khá tốt quá trình hoàn thuế cho DN. Hồ sơ đề nghị hoàn thuế của DN chủ yếu là hai sắc thuế: thuế GTGT và thuế TNCN.

- Phần lớn các hồ sơ đề nghị hoàn thuế rơi vào trường hợp có số thuế lũy kế âm liên tục và xuất khẩu.

- Tỷ lệ số hồ sơ chưa không được hoàn thuế còn khá cao (trên 20%) và ngày càng tăng.

2.2.4. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật thuế và xử lý vi phạm về thuế

a. Kiểm tra thuế

- Kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở CQT

+ Hàng tháng, Chi cục Thuế phân công cán bộ theo dõi hồ sơ DN thực hiện việc đọc và phân tích hồ sơ kê khai thuế kết hợp với khảo sát tình hình thực tế kinh doanh của DN

+ Tình hình thực hiện kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế (kiểm tra tại bàn) chưa đạt yêu cầu.

+ Đa số hồ sơ sau khi kiểm tra tại bàn đều chuyển sang diện đề nghị kiểm tra tại trụ sở NNT. Tính rủi ro trong hồ sơ khai thuế của ND ngày càng tăng.

- Kiểm tra tại trụ sở NNT

+ Chi cục luôn hoàn thành kế hoạch kiểm tra cấp trên giao. Mỗi năm số DN đã kiểm tra tại trụ sở NNT bình quân tăng 6,87%.

+ Triển khai công tác kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế chủ yếu kiểm tra quyết toán đối với các đơn vị giải thể, chuyển đổi loại hình DN và kiểm tra việc kê khai thuế GTGT, TNDN đối với các đơn vị qua phân tích hồ sơ kê khai thuế.

+ Ngoài ra, thực hiện Công văn số 1280/CT-TTr2 ngày 27/4/2015 của Cục Thuế; Thông báo số 89/TB-VP ngày 17/4/2015 của UBND thành phố, trong năm 2015, để chống thất thu về thuế, một số các lĩnh vực như: kinh doanh nhà nghỉ, khách sạn, kinh doanh nhà hàng, ăn uống, giải khát, kinh doanh karaoke, vận tải

b. Xử lý vi phạm pháp luật về thuế

- Tình hình xử lý chậm nộp hồ sơ khai thuế

Số trường hợp nộp chậm hồ sơ khai thuế ngày càng giảm cho thấy công tác tuyên truyền, hỗ trợ, đôn đốc, nhắc nhở của Chi cục ngày càng có hiệu quả và DN cũng ngày càng có ý thức hơn trong việc chấp hành pháp luật thuế.

- Hành vi vi phạm về chậm nộp tiền thuế, khai sai dẫn đến thiếu thuế, trốn thuế.

+ Tình trạng trốn thuế, gian lận thuế diễn ra ngày càng phổ biến ở các DN và ngày càng tinh vi hơn, khó kiểm tra, phát hiện hơn.

+ Việc xử lý vi phạm hành chính về thuế phát hiện được qua kiểm tra tăng cả số lượng và số tiền phạt.

+ Trong thời gian qua, qua kiểm tra nhận thấy DN xảy ra tình trạng kê khai giảm doanh thu, thành lập nhiều doanh nghiệp, tự in, bán hóa đơn giá trị gia tăng bất hợp pháp để chiếm đoạt hàng chục tỷ đồng tiền thuế hay nợ chây ỳ rồi bỏ trốn, đó là những hành vi trốn

thuế đang diễn ra, gây thất thu cho ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, chính thói quen không lấy hóa đơn khi mua hàng hóa của người dân đã vô tình tiếp tay cho hành vi trốn thuế của doanh nghiệp, người kinh doanh. Hành vi trốn, chiếm đoạt tiền thuế diễn ra ngày càng phức tạp, nghiêm trọng với những thủ đoạn tinh vi.

c. Cường chế thi hành quyết định hành chính thuế

- Tình hình nợ thuế

- + Tỷ lệ nợ ngày càng tăng.
- + Nguyên nhân tỷ lệ nợ cao là do:

- Tình hình kinh tế trên địa bàn chưa ổn định, do thanh toán vốn chậm dẫn đến khó khăn trong việc nộp thuế. Bên cạnh đó, một số DN trên địa bàn gặp khó khăn, hoạt động cầm chừng sau đó tự ý bỏ địa điểm kinh doanh, đã treo lại số tiền thuế nợ và tiền chậm nộp khá lớn.

- Việc áp dụng biện cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản khó thực hiện do những đơn vị này không có tài sản hoặc tài sản đi thuê, tài khoản ngân hàng giao dịch qua xác minh có số dư rất ít (chỉ đủ để duy trì tài khoản tại ngân hàng), vốn thanh toán từ ngân sách chậm....

- Một số DN tự ý thay đổi địa chỉ KD, số điện thoại không khai báo với cơ quan thuế hay khai báo địa chỉ kinh doanh và số điện thoại không chính xác, Giám đốc cư trú ở các địa phương khác nhưng không khai báo với cơ quan thuế.

- Cường chế thi hành quyết định hành chính về thuế

–Đối với các trường hợp nợ thông thường, Chi cục Thuế đã thực hiện gửi giấy mời, mời đến làm việc tại trụ sở. Đồng thời, ban hành thông báo tiền thuế nợ và tiền phạt chậm nộp.

–Đối với các khoản tiền thuế nợ trên 90 ngày, Chi cục đã ban

hành: quyết định cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản tiền gửi ngân hàng; quyết định cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản; Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng.

– Các biện pháp áp dụng chủ yếu là từ trích tiền từ tài khoản, sau đó là thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng và cuối cùng mới là kê biên tài sản.

2.2.5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế

Trong những năm qua, hầu như Chi cục nhận được rất ít đơn khiếu nại, tố cáo. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được giải quyết kịp thời, thỏa đáng.

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC KHU VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.3.1. Thành công

- *Thứ nhất*, công tác quản lý thuế bước đầu đã hiện đại hóa về công tác quản lý và phương pháp quản lý.

- *Thứ hai*, kết quả thu NSNN nhìn chung đã hoàn thành kế hoạch pháp lệnh của Cục thuế giao.

- *Thứ ba*, Chi cục đã nỗ lực và triển khai thành công đăng ký kê khai qua mạng và nộp thuế điện tử. Bên cạnh đó, công tác kê khai thuế đã từng bước đi vào nề nếp.

- *Thứ tư*, công tác giải quyết hoàn thuế được thực hiện theo quy trình chặt chẽ. Việc giải quyết hoàn thuế cho NNT được thực hiện kịp thời, đảm bảo đúng thời gian quy định của luật QLT.

- *Thứ năm*, công tác kiểm tra tại trụ sở NNT luôn hoàn thành kế hoạch được giao.

- *Thứ sáu*, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện

kip thời, trả lời thỏa đáng.

2.3.2. Tồn tại, hạn chế

- ***Về công tác tuyên truyền – hỗ trợ NNT:***

+ Công tác tuyên truyền chỉ qua tập huấn mà chưa khai thác các kênh khác.

+ Các buổi tập huấn, tuyên truyền chính sách thuế còn ít, số lượng doanh nghiệp tham gia chưa đông, hiệu quả không cao.

+ Nội dung tuyên truyền tuy đã được chú trọng nhưng có nội dung còn chưa sát với yêu cầu.

+ Số lượng cán bộ làm công tác tuyên truyền, hỗ trợ còn quá ít.

- ***Về công tác lập dự toán và thực hiện dự toán:***

+ Công tác lập dự toán chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu riêng về tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp

+ Chưa xây dựng được mô hình dự báo, thiếu cán bộ có năng lực phân tích, dự báo.

- ***Về công tác tổ chức thu thuế:***

+ DN chưa quen còn e ngại nên vẫn muốn áp dụng phương pháp truyền thống là tự đi nộp thuế.

+ Tỷ lệ số hồ sơ chưa được hoàn thuế còn khá cao (trên 20%) và ngày càng tăng.

- ***Về công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật thuế và xử lý vi phạm về thuế:***

+ Tỷ lệ kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở CQT không đạt yêu cầu tối thiểu phải kiểm tra được 20% hồ sơ khai thuế đơn vị, đang có xu hướng ngày càng giảm.

+ Công tác lập kế hoạch kiểm tra, chọn doanh nghiệp kiểm tra theo tiêu chí đánh giá rủi ro chưa chính xác.

- + Số lượng cán bộ làm công tác kiểm tra còn quá mỏng.
- + Tình trạng nợ đọng ngày càng tăng cao. Biện pháp cưỡng chế chủ yếu chưa kiên quyết.

2.3.3. Nguyên nhân

- Nội dung chính sách thuế thường xuyên sửa đổi.
- Cơ sở dữ liệu về NNT còn thiếu, tính chính xác chưa cao.
- DN khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn chủ yếu là DN nhỏ nhận thức về pháp luật thuế còn thấp. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp ngày càng nghiêm trọng hơn, mức độ vi phạm ngày càng nặng và tinh vi hơn.

- Thói quen của người tiêu dùng không lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ.

- Thiếu nguồn nhân lực. Trình độ của cán bộ thuế còn hạn chế, chưa cập nhật đầy đủ các kiến thức, kỹ năng chuyên môn, chưa được đào tạo bài bản về kỹ năng giao tiếp.

- Việc khai thác những dữ liệu sẵn có trong hệ thống thông tin ngành thuế chưa được tận dụng triệt để.

- Mặc dù một số DN đang nợ thuế nhưng khi đề nghị xin tạm nghỉ kinh doanh thì vẫn được Sở Kế hoạch & Đầu tư chấp nhận, tuy nhiên thực tế trong thời gian tạm nghỉ DN đã không còn tồn tại tại địa điểm kinh doanh cũ, công tác đôn đốc, gửi giấy mời, thông báo nợ do đó gặp nhiều khó khăn.

- Công tác cưỡng chế quyết định hành chính thuế nguyên tắc áp dụng các biện pháp cưỡng chế đó là phải thực hiện theo thứ tự. Vì vậy, trong thực hiện cưỡng chế nợ thuế bị vướng và bị bó buộc. .

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC KHU VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.1. CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG GIẢI PHÁP

3.1.1. Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020

Xây dựng hệ thống chính sách thuế đồng bộ, thống nhất, công bằng, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Xây dựng ngành thuế Việt Nam hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; công tác quản lý thuế, phí và lệ phí thống nhất, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện dựa trên ba nền tảng cơ bản: thể chế chính sách thuế minh bạch, quy trình thủ tục hành chính thuế đơn giản, khoa học phù hợp với thông lệ quốc tế; nguồn nhân lực có chất lượng, liêm chính; ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, có tính liên kết, tích hợp, tự động hóa cao.

3.1.2. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội quận Hải Châu trong thời gian tới

Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng Dịch vụ-Công nghiệp-Thủy sản, tập trung phát triển ngành Dịch vụ thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn của quận, phát huy ưu thế vị trí trung tâm thành phố và sự hoàn thiện của hệ thống hạ tầng kinh tế - kỹ thuật.

3.1.3. Phương hướng nhiệm vụ công tác quản lý thuế doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân tại Chi cục Thuế quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

- Một là, tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính thuế.
- Hai là, tăng cường tính hiệu lực, hiệu quả của các chức năng

QLT..

- *Ba là*, thúc đẩy công tác hiện đại hóa công tác QLT theo hướng thực hiện cơ chế quản lý rủi ro.

- *Bốn là*, tạo sự tập trung thống nhất và đồng bộ trong hoạt động của cơ quan QLT; tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan QLT với các cơ quan, tổ chức liên quan.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP

3.2.1. Tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

- Cần có kế hoạch tuyên truyền trong từng giai đoạn.
 - Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền.
 - Tổ chức các cuộc điều tra, khảo sát lấy ý kiến của DN để tuyên truyền và hỗ trợ cho phù hợp.

- Cần xây dựng và vận hành trang web của Chi cục Thuế với nội dung phong phú, thiết thực.

- Tuyên dương, khen thưởng kịp thời các DN có ý thức chấp hành tốt nghĩa vụ nộp thuế, đóng góp số thu lớn cho NSNN.

- Đẩy mạnh dịch vụ làm thủ tục về thuế (Đại lý thuế).

3.2.2. Đổi mới công tác lập dự toán thuế

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu thống kê thu NSNN.
 - Xây dựng hệ thống thông tin đầy đủ về các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn, ngành nghề và lĩnh vực hoạt động.

- Xây dựng các mô hình dự báo.

- Đẩy mạnh việc đào tạo cán bộ về việc ứng dụng các phương pháp dự báo để có thể thay đổi quan điểm và cách thức lập dự toán như hiện nay.

3.2.3. Đẩy mạnh công tác tổ chức thu thuế

a. Tăng cường công tác quản lý đăng ký, kê khai, nộp thuế

- Đối với công tác đăng ký thuế:

+ Phối hợp với Sở kế hoạch và đầu tư, thường xuyên nắm bắt thông tin về đơn vị mới.

+ Thường xuyên rà soát, đối chiếu, xác định số DN đang hoạt động, DN tạm ngưng, hoàn tất thủ tục đóng MST đối với DN không còn hoạt động.

- Đối với công tác kê khai thuế

+ Triển khai kết nối mạng thông tin một cách nhanh chóng và chính xác.

+ Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các khâu của quá trình quản lý thuế đặc biệt là công tác kê khai thuế.

- Đối với công tác nộp thuế

+ Kết hợp chặt chẽ với các cơ quan có thẩm quyền đơn đốc NNT nộp thuế kịp thời vào NSNN.

+ Thực hiện giao chỉ tiêu giảm nợ đọng thuế cho từng bộ phận, từng cán bộ.

+ Tiếp tục phổ biến, đẩy mạnh việc nộp thuế điện tử.

b. Nâng cao chất lượng công tác hoàn thuế

- Nâng cao chất lượng thẩm định, kiểm tra hồ sơ hoàn thuế một cách kỹ càng, trọng điểm nhưng phải đúng thời gian quy định của pháp luật.

- Nâng cao công tác phối hợp giữa cơ quan Hải quan và cơ quan Thuế.

- Phân loại đối tượng người nộp thuế từ hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin; Ban hành quyết định hoàn thuế kịp thời và tự động cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu của người nộp thuế.

- Triển khai áp dụng, thực hiện hoàn thuế điện tử.

3.2.4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát sự tuân thủ pháp luật thuế và xử lý vi phạm về thuế

a. Đối với công tác kiểm tra thuế, thanh tra thuế

- Đảm bảo số lượng và nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác kiểm tra.

- Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ nhằm phát hiện và chấn chỉnh ngay các sai phạm của cán bộ thuế trong khi thi hành nhiệm vụ dẫn đến thất thu về thuế.

b. Đối với công tác kiểm tra tại trụ sở CQT

- Phân giao chỉ tiêu cho từng cán bộ kiểm tra, tối thiểu phải đọc và phân tích được 30% hồ sơ khai thuế mỗi tháng, quý.

- Cán bộ làm công tác kiểm tra cần phải so sánh, đối chiếu các nguồn thông tin kê khai của NNT.

- Đổi mới công tác xây dựng kế hoạch kiểm tra hồ sơ khai thuế.

c. Đối với công tác kiểm tra tại trụ sở NNT

- Cần xây dựng các tiêu thức nhằm đánh giá mức độ rủi ro của DN để làm căn cứ kiểm tra.

- Xây dựng những chỉ tiêu định tính khi đánh giá kết quả kiểm tra.

- Tùy từng đối tượng cụ thể mà có phương pháp kiểm tra khác nhau cho phù hợp.

- Xây dựng quy chế đối với việc lựa chọn người nộp thuế vào danh sách kiểm tra, kiểm tra qua việc thu thập thông tin ngoài.

- Cách thức tiến hành kiểm tra tại trụ sở NNT cần phải thực hiện theo đề cương, kế hoạch kiểm tra cụ thể nhằm tránh bỏ sót việc, bỏ sót nội dung gây khó khăn, phiền hà cho NNT.

- Cần tổ chức công tác giám sát sau kiểm tra.

d. Đối với công tác xử lý vi phạm pháp luật về thuế

- Cương quyết xử lý vi phạm pháp luật thuế đối với hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế.
- Cần tổ chức tốt công tác theo dõi, đôn đốc NNT thực hiện nghiêm chỉnh các quyết định xử lý sau kiểm tra thuế.
- Phải kiên quyết, triệt để, xử lý đúng người, đúng tội, đúng hành vi vi phạm. .
- Cần nâng cao ý thức pháp luật cho đối tượng nộp thuế.

e. Đối với công tác cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế

- Thường xuyên theo dõi, phân loại nợ.
- Xây dựng phương pháp dự báo nợ thuế .
- Cần có biện pháp tích cực, kiên quyết để cưỡng chế thu tiền thuế nợ.
- Giao chỉ tiêu thu nợ thuế cho từng cán bộ trực tiếp quản lý nợ.
- Thực hiện nghiêm túc việc phát lệnh thu qua hoàn thuế.

3.2.5. Đảm bảo công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế kịp thời, thỏa đáng

- Bố trí nơi tiếp công dân; Niêm yết công khai lịch tiếp dân.
- Phân công cán bộ có đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn, am hiểu thực tế, có trách nhiệm đối với nhiệm vụ được giao trực tiếp tiếp công dân.

3.2.6. Các giải pháp khác

a. Nhóm giải pháp về tổ chức bộ máy quản lý thuế

- Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý thuế theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả.
- Xây dựng tiêu chuẩn cán bộ cho từng loại cán bộ thực hiện

từng chức năng QLT.

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, rèn luyện đạo đức, phẩm chất, nâng cao năng lực, trình độ nghiệp vụ của cán bộ.

- Điều chuyển cán bộ theo hướng tăng cường cho các đội chức năng như kiểm tra, tuyên truyền,...

b. Nhóm giải pháp về cải cách thủ tục hành chính thuế

- Rà soát các quy trình, thủ tục về thuế đề nghị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế.

- Xem xét cắt giảm các hồ sơ và TTHC không thực sự cần thiết.

- Công khai các thủ tục về thuế trên các phương tiện thông tin đại chúng, tại trung tâm giao dịch “một cửa” và tại trụ sở CQT.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện các thủ tục về thuế.

c. Nhóm giải pháp về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế

- Xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin.

- Đầu tư trang thiết bị máy tính hiện đại cho trung tâm dữ liệu của cơ quan thuế.

- Xây dựng hệ thống phần mềm ứng dụng xử lý thông tin phục vụ quản lý.

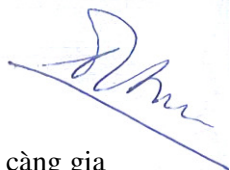
- Xây dựng kho cơ sở dữ liệu, phần mềm phân tích đối tượng nộp thuế.

- Xây dựng và ban hành các nguyên tắc khai thác, sử dụng thông tin và cơ chế bảo mật an toàn thông tin, dữ liệu thuế.

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.3.1. Kiến nghị với Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế

3.3.2. Kiến nghị với các cơ quan hữu quan khác



KẾT LUẬN

Trong thời gian qua, cùng với việc sự phát triển ngày càng gia tăng của doanh nghiệp trên địa bàn quận đòi hỏi phải có sự quản lý chặt chẽ và định hướng đúng đắn của Nhà nước để các doanh nghiệp phát huy tối đa vai trò của mình đối với phát triển nền kinh tế trong giai đoạn mới.

Với những nội dung phân tích ở từng chương, luận văn đã làm nổi bật, bám sát mục tiêu và đạt được một số kết quả sau:

Thứ nhất, trên cơ sở nghiên cứu và kế thừa, luận văn đã hệ thống hóa được các nội dung lý luận cơ bản về thuế, quản lý thuế và quản lý thuế đối với các doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân.

Thứ hai, luận văn đã làm rõ các đặc điểm riêng của các DN khu vực KTTN trên địa bàn quận Hải Châu.

Thứ ba, từ phân tích thực trạng công tác quản lý thuế các doanh nghiệp khu vực KTTN trên địa bàn quận Hải Châu từ năm 2012 đến năm 2016, nhận thấy công tác quản lý thuế vẫn còn những hạn chế, tồn tại: công tác lập dự toán vẫn chưa xây dựng được mô hình dự báo, công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế chưa được chú trọng, các hành vi trốn thuế ngày càng tinh vi, khó phát hiện hơn, tình trạng doanh nghiệp nợ thuế chây ì, bỏ trốn khỏi địa chỉ kinh doanh mang theo hóa đơn ngày càng tăng nhiều.

Thứ tư, trên cơ sở định hướng hoàn thiện công tác quản lý thuế của ngành thuế và các định hướng phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn quận, luận văn đề xuất một số giải pháp và một số kiến nghị đối với các cơ quan liên quan nhằm hoàn thiện hơn công tác quản lý thuế.